



THANH TOÁN QUỐC TẾ

Phạm Ngọc Dưỡng
PhD, MBA, BE, BA

TS. Phạm Ngọc Dưỡng

1

MỤC TIÊU

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

- ✓ Về thị trường ngoại hối
- ✓ Các c/cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong h/động XNK
- ✓ Các phương tiện thanh toán QT
- ✓ Các phương thức TTQT thông dụng
- ✓ Các yêu cầu cần thiết để thiết lập một BCT TTQT

TS. Phạm Ngọc Dưỡng

2

Sau khi học xong sinh viên có thể:

- Nhận diện những biến động (PEST) trên Thị trường thế giới mà có khả năng ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của DN
- Chuyển đổi các tiền tệ trên thị trường hối đoái quốc tế
- Phòng ngừa các rủi ro cho DN trong hoạt động thanh toán QT
- Sử dụng các phương tiện, và lựa chọn các phương thức thanh toán QT an toàn nhất đối với hoạt động XNK của DN
- Thiết lập, kiểm tra BCT xuất, nhập khẩu phù hợp với quy định

TS. Phạm Ngọc Dương

3

NỘI DUNG

Chương 1: Tỷ giá hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch trên thị trường ngoại hối

Chương 2: Cán cân thanh toán

Chương 3: Các phương tiện thanh toán quốc tế

Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế

Chương 5: Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế

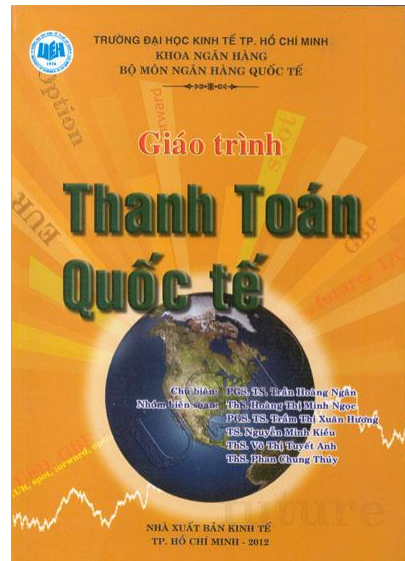
TS. Phạm Ngọc Dương

4

TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. PGS.TS Trần Hoàng Ngân, TS. Nguyễn Minh Kiều (2013), *Thanh toán quốc tế*, NXB Lao động Xã hội

- *Tài liệu tham khảo:*
- UCP 600, URC 522, URR 525, eUCP, ISBP 745, ...



TS. Phạm Ngọc Dưỡng

5

TỔ CHỨC HỌC TẬP

- Phân bổ thời lượng (3TC):

Nội dung	Số tiết
Tỷ giá hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch trên thị trường ngoại hối	15
Cán cân thanh toán	5
Các phương tiện thanh toán quốc tế	10
Các phương thức thanh toán quốc tế	10
Kỹ thuật thiết lập và kiểm tra bộ chứng từ TTQT	5
Tổng cộng	45

- Chia nhóm (5-7 SV/nhóm)

TS. Phạm Ngọc Dưỡng

6

Yêu cầu đối với sinh viên

- Đi học đúng giờ (sau 15 phút không được vào lớp)
- Đi học đầy đủ (điểm danh theo xác suất)
- Tham gia thảo luận nhóm tổ, đặt câu hỏi phản biện (có điểm thưởng)
- Mỗi nhóm được gọi lên bảng ít nhất 2 lần (điểm chuyên cần tối đa 9 điểm vắng lần 1 trừ 2)
- Không nói chuyện trong lớp
- Không được "Đồng ý ?????" trong khi sinh viên khác nghe giảng
- Không sử dụng DTDD (nghe, gọi, nt, lướt Web, không để trên bàn)
- Chấp hành bố trí chỗ ngồi của GV

7

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ NGOẠI THƯƠNG VÀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc bài 1, sinh viên có khả năng:

- Thảo luận khái niệm và cơ sở hình thành TTQT;
- Nắm bắt vai trò của TTQT đối với nền kinh tế, doanh nghiệp XNK, và NHTM;
- Xác định ngân hàng đại lý và các bên tham gia TTQT; và
- Tỷ giá hối đoái, và các phương pháp tính tỷ giá Hối đoái.

TS. Phạm Ngọc Dương

9

NỘI DUNG

- **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGOẠI THƯƠNG VÀ CÁC CÔNG CỤ PHỤC VỤ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGOẠI THƯƠNG**
- **THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI**
- **TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**
- **THANH TOÁN QUỐC TẾ**

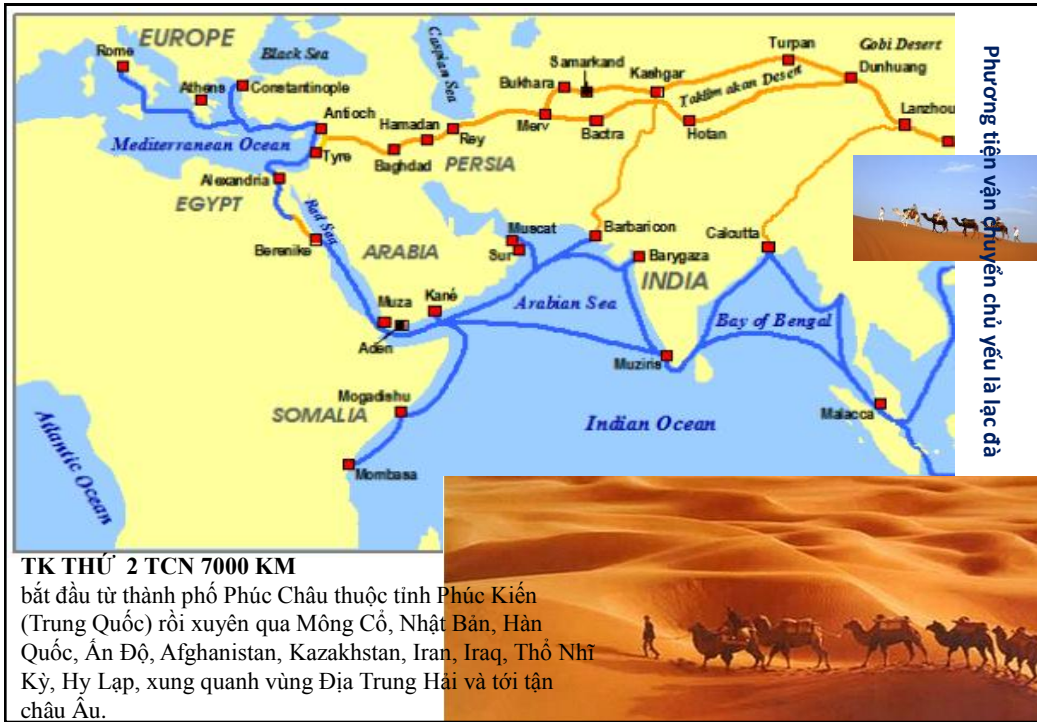
TS. Phạm Ngọc Dương

10

❖ Sự phát triển của ng/thương và thị trường ngoại hối

226 Countries and Boundaries (Territories),
7,2 bill => 8,1 bill (2025) => 9,6 bill (2050)





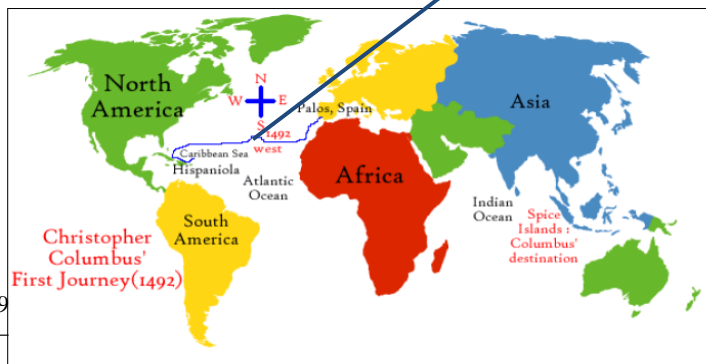
- Toàn cầu hóa lần thứ nhất:** Christopher Columbus tìm ra nước Mỹ 1492 (cho đến cuối TK18) => (Di dân từ châu Âu)



La bàn trong thời Columbus

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CHỦ YẾU LÀ:
 + ĐỘNG VẬT
 + THUYỀN BUỒN

3 tháng ⇔ 90 ngày



Hành trình đầu tiên của Christopher Columbus (1492)

Học thuyết trọng thương

(TK 15 – 17)

Các học giả người Anh:
 William Stafford (1554 – 1612); Thomas Gresham 1519 – 1579, William Petty (1623 – 1687); John Locke (1632 – 1704);

• Toàn cầu hóa lần thứ II:

(1760 – 1914)

Đánh dấu bằng cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất từ Anh Quốc.

“Cuộc đua giữa những người đi bộ hay ngựa đã chuyển thành cuộc đua của máy móc với tốc độ và công suất lớn gấp hàng ngàn, hàng vạn lần và do vậy nguy cơ tụt hậu trở nên cấp thiết và hiện thực hơn bao giờ hết”

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CHỦ YẾU
LÀ:
+ ĐỘNG VẬT
+ THUYỀN BUỒN
+ TÀU THỦY, TÀU HỎA



Mặt trời không bao giờ lặn trên nước Anh

Động cơ hơi nước của James Watt

Giữa hai làn sóng toàn cầu hóa (1914 - 1980)

Thế giới 2 cực (chiến tranh lạnh)

Năm 1950, giá trị thương mại của TG chỉ khoảng 5% GDP toàn cầu
(= giá trị TM năm 1870)

Hình thành các liên kết kinh tế
GATT (1947 gồm 23 nước tham gia) => WTO)
SEV (hội đồng tương trợ kinh tế XHCN 1949)
EC, EU
ASEAN (1967_In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-pô và Thái Lan)
Nafta
UN, IMF, WB...

Bức tường Berlin
(167,8 km)



Một phần của bức tường Berlin ở Bethaniendamm, nhìn từ phía Tây Đức (1986)

Thành phố	Berlin
Quốc gia	Đức
	Xây dựng
Khởi công	13 tháng 8 năm 1961
Phá dỡ	10 tháng 11 năm 1989

TS Phạm Ngọc

Show de

Làn sóng toàn cầu hóa lần thứ III (1980 - ?)

Với sự xuất hiện của: Máy bay phản lực, công vận tải hàng không, máy vi tính, cáp quang, vệ giúp gắn kết các nước, và con người gần nhau l =>>> **tốc độ lưu chuyển hàng hóa, đồng tiền**



The World Is Flat
A BRIEF HISTORY OF
THE TWENTY-FIRST CENTURY
Thomas L. Friedman

DOANH NGHIỆP TÌM KIẾM L/NHUẬN TRÊN PHẠM VI TOÀN CẦU
PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN ĐA DẠNG
PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LINH HOẠT
Rủi ro được chia sẻ trên phạm vi toàn cầu

❖ NGOẠI HỐI, THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

- Theo Điều 4, Pháp lệnh ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 của UBTV Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 1/6/2006, Ngoại hối bao gồm:

(a) Đồng tiền quốc gia khác hoặc đồng tiền chung Châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực (sau đây gọi là ng/tệ);

(b) Phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ, gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ và các phương tiện thanh toán khác;

c) Các loại **giấy tờ có giá bằng ngoại tệ** như: Các loại giấy tờ có giá bằng ngoại tệ như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác;

d) Vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước, trên tài khoản ở nước ngoài của người cư trú; vàng dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng trong trường hợp mang vào và mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

đ) Đồng tiền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng trong thanh toán QT.

Cu thể:

(1) Ngoại tệ (Foreign Currency):

Tức là tiền của nước khác lưu thông trong một nước.

Ngoại tệ gồm hai loại: Ng/tệ tiền mặt và ng/tệ tín dụng.

(2) Các phương tiện thanh toán quốc tế ghi bằng ng/tệ:

- *Hối phiếu (Bill of Exchange)*
- *Kỳ phiếu (Promissory Note)*
- *Séc (Cheque)*
- *Thư chuyển tiền (Mail Transfer).*
- *Điện chuyển tiền. (Telegraphic Transfer)*
- *Thẻ tín dụng (Credit card).*
- *Thư tín dụng ngân hàng (Bank Letter of credit)*

3) Các phương tiện tín dụng (các chứng khoán có giá) ghi bằng ngoại tệ như:

- *Cổ phiếu (Stock)*
- *Trái phiếu kho bạc (Treasury Bill)*
- *Trái phiếu công ty (Debenture)*
- *Công trái chính phủ (Government Loan).*

4) Vàng, bạc, kim cương, ngọc trai, đá quý và các kim loại quý và hiếm khác được dùng làm tiền tệ.

(5) Tiền Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

- *Tiền VN ở nước ngoài dưới mọi h/thức khi quay lại VN*
- *Tiền tín dụng VN ghi tên TK của người phi cư trú (Non - Resident) tại các NH TMVN được quyền tham gia vào TTQT.*
- *Tiền Việt Nam có nguồn gốc ngoại tệ khác.*



➤ **Thị trường ngoại hối**

Là thị trường thực hiện các giao dịch mua bán, trao đổi các loại ngoại tệ và các hoạt động kinh doanh có liên quan đến ngoại tệ
(Theo Luật NHNN (1997) và Luật NHNN được bổ sung sửa đổi 2001)

Các loại tiền được giao dịch phổ biến nhất

- USD: Khoảng 90 % các giao dịch trên toàn thế giới liên quan đến đồng đô la Mỹ.
- Euro: Đồng euro là tiền tệ chính thức của 16/24 nước thuộc liên minh châu Âu, chiếm khoảng 37 % các giao dịch hằng ngày trên thị trường ngoại hối.
- Yen Nhật : Khoảng 20 % của các giao dịch hằng ngày trên thị trường ngoại hối liên quan đến việc đồng yên Nhật Bản.
- Great British Pound (Bảng Anh): Chiếm khoảng 17 % các giao dịch ngoại hối hằng ngày.
-

❖ PHÂN LOẠI

▪ *Thị trường ngoại hối, chia làm 2 cấp:*

✓ *Thị trường liên ngân hàng, thị trường bán buôn*

✓ *Thị trường khách hàng, thị trường bán lẻ*

❖ **Thị trường liên ngân hàng:**

Là một mạng lưới các quan hệ ngân hàng đại lý.,
Là sự liên kết toàn cầu giữa các ngân hàng, các nhà
buôn phi ngân hàng và các *nhà môi giới*, không tập
trung đặt địa điểm tại một quốc gia duy nhất, mà rải
ra khắp các trung tâm tài chính thế giới.

Phần lớn giao dịch trên thị trường liên ngân hàng là
mua và bán “tiền gửi ngân hàng” ghi bằng các đồng
tiền khác nhau.

Các bên tham gia thị trường liên ngân hàng chủ yếu:

- NHTM lớn
- Nhà môi giới ngoại hối
- Các khách hàng TM: công ty đa quốc gia.
- NHTW

❖ Thị trường bán lẻ

„Là nơi giao dịch giữa các NH nhỏ (hoặc VP địa phương của các NH lớn) với KH, các doanh nghiệp.

„Thành viên tham gia:

- NHTM
- DN hoạt động XNK
- Cá nhân.

• Các trung tâm giao dịch ngoại hối

- Tầm cỡ thế giới: London, Newyork, Tokyo
- Tầm cỡ khu vực: Frankfurt, Zunic, Hongkong, Singapore
- Tầm cỡ quốc gia: Sydney, Bangkok, Shanghai, Manila...

TS Phạm Ngọc Dương

29

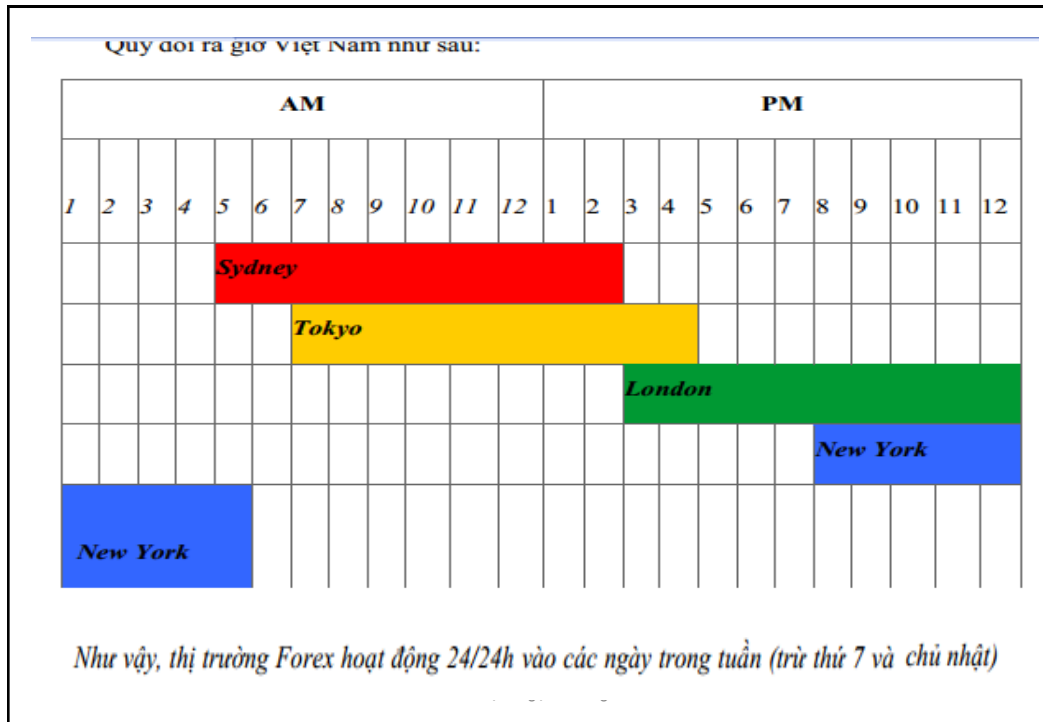
❖ Đặc điểm của thị trường ngoại hối

- Là thị trường mua bán các loại HH đặc biệt – đồng tiền của các nước
 - *Giao dịch mang tính chất quốc tế*
 - *Hoạt động liên tục 24/24h do:*
 - ✓ *Chênh lệch múi giờ*
 - ✓ *Nhờ sự phát triển Telex, fax....*

Bảng Giờ giao dịch của Thị trường ngoại hối theo giờ GMT

Thị trường	Mở cửa	Đóng cửa
Sydney	22:00	07:00
Tokyo	00:00	09:00
London	08:00	17:00
NewYork	13:00	22:00

30



❖ Các thành phần tham gia giao dịch

• Phân theo mục đích

- ✓ Các nhà thương mại đầu tư
- ✓ Các ngân hàng thương mại và đầu tư
- ✓ Các cá nhân hay hộ gia đình
- ✓ Ngân hàng Trung ương

1

- ***Phân theo chức năng hoạt động***

- ✓ *Các nhà kinh doanh _dealers, người chấp nhận rủi ro*

- ✓ *Các nhà môi giới _Brokers, người không chịu rủi ro*

- ✓ *Các nhà đầu cơ (Speculators)*

- ✓ *Các nhà kinh doanh chênh lệch giá (arbitrageurs)*

- ❖ ***Cấu trúc thị trường ngoại hối***

- Căn cứ vào hình thức tổ chức:

- ✓ *Thị trường có tổ chức (organizing market)*

- ✓ *Thị trường không có tổ chức (unorganizing market)*

- Căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh:

- ✓ *Thị trường giao ngay (Spot Market)*

- ✓ *Thị trường kỳ hạn (Forward Market)*

- ✓ *Thị trường hoán đổi (Swaps Market)*

- ✓ *Thị trường giao giao sau (future Market)*

- ✓ *Thị trường quyền chọn (Options Market)*

❖ Vị trí và vai trò của thị trường ngoại hối

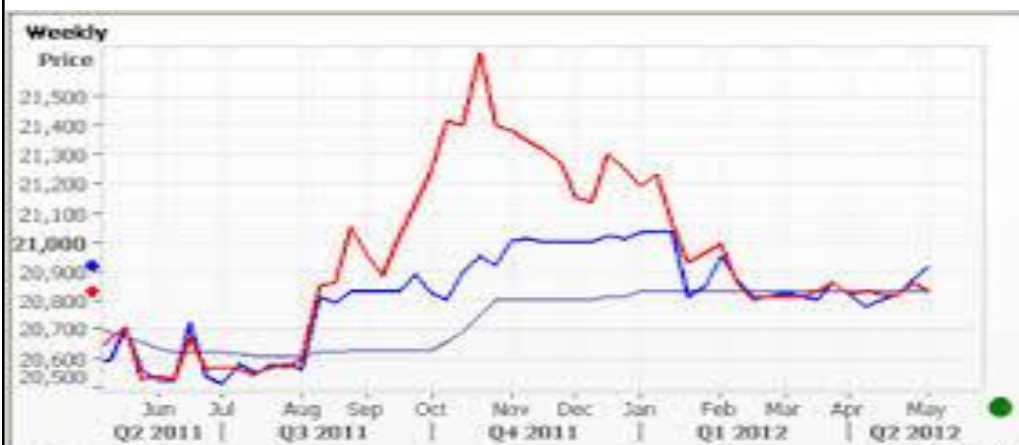
- ❖ *Đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi ngoại tệ, nhằm bôi trơn các hoạt động XNK, và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến ngoại tệ;*
- ❖ *Phương tiện giúp các nhà đầu tư chuyển đổi ngoại tệ phục vụ khát vọng kiếm tiền và làm giàu thông qua các hình thức đầu tư vào tài sản hữu hình hay vô hình hay tài sản tài chính;*
- ❖ *Công cụ cho NH trung ương có thể thực hiện chính sách tiền tệ nhằm điều khiển nền kinh tế theo mục tiêu của chính phủ*

TS Phạm Ngọc Dương

35

❖ Sơ lược về thị trường ngoại hối Việt Nam

- Trước Hội nhập (...năm 1986)
- Sau hội nhập....



Biểu 3: Diễn biến tỷ giá USD/VND ở thị trường chính thức và phi chính thức (Nguồn: Reuters)

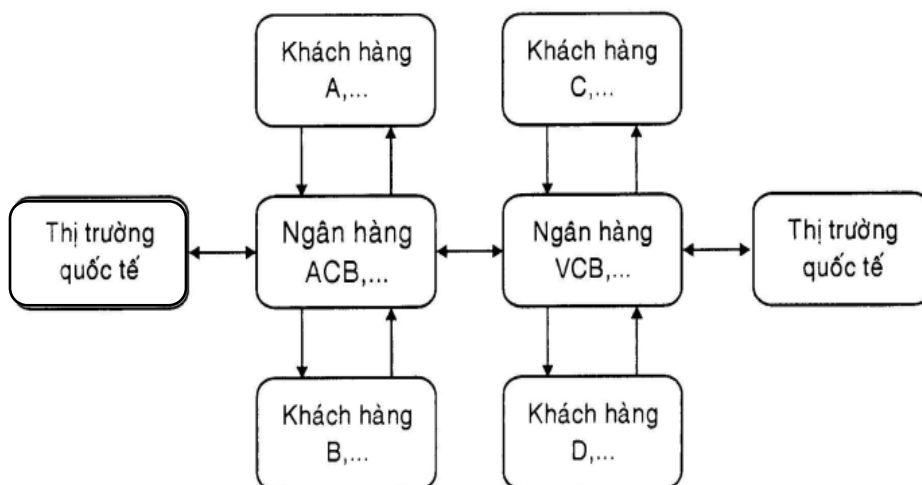
TS Phạm Ngọc Dương

- Trung tâm giao dịch ngoại tệ (1991, sau khi QĐ số 207/NH – QĐ ngày 16/8/1991), chấm dứt hoạt động vào năm 1994
- TT ngoại tệ liên ngân hàng năm 1994 (QĐ số 203/NH – QĐ ngày 20/9/1994)
- Giao dịch kỳ hạn (Forward transaction) và hoán đổi SWAP transaction (1998)
- Giao dịch quyền chọn (options) 2002

TS Phạm Ngọc Dương

37

Tổ chức thị trường ngoại hối Việt Nam



TS Phạm Ngọc Dương

38

A. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Nội dung

- 1. Tỷ giá hối đoái:
- 2. Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái
- 3. Cách nhận biết tỷ giá
- 4. Các phương pháp yết giá
- 5. Các loại tỷ giá thông dụng
- 6. Cách tính tỷ giá bằng phương pháp chéo
- 7. Các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến tỷ giá
- 8. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá chủ yếu

1.1. Khái niệm về tỷ giá hối đoái

- Samuelson – nhà kinh tế học người Mỹ cho rằng: *Tỷ giá hối đoái là tỷ giá để **đổi tiền** của một nước lấy tiền của một nước khác.*
- Statyer – nhà kinh tế người Úc, trong cuốn sách thị trường ngoại hối, cho rằng: *Một đồng tiền của một nước nào đó thì bằng **giá trị của một số lượng** đồng tiền nước khác.*
- Christopher và Bryan Lowes, người Anh trong Dictionary of economics cho rằng: *Tỷ giá hối đoái là giá của một loại tiền được **biểu hiện** giá một tiền tệ khác.*

TS Phạm Ngọc Dương

42

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này được thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

Ví dụ: Ngày 04/09/20xx, trên thị trường hối đoái quốc tế ta có thông tin:

1 USD = 117.20 JPY (Japanese Yen)

1 GBP = 1.9036 USD (United States dollars)

1 USD = 1.2315 CHF (Confederation Helvetique Franc),

1 AUD = 0.7385 USD

GBP (Great Britain Pound)

TS Phạm Ngọc Dương

43

Ngân hàng thương mại cổ phần Vietcombank

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOREIGN TRADE OF VIETNAM [VN] https://www.vietcombank.com.vn/exchangerates/

Bản tin tỷ giá

Điểm đặt ATM

Sơ đồ website

Mã NT	Tên ngoại tệ	Mua tiền mặt	Mua chuyển khoản	Bán
AUD	AUST.DOLLAR	15,607.95	15,702.16	15,842.37
CAD	CANADIAN DOLLAR	16,690.39	16,841.97	17,060.46
CHF	SWISS FRANCE	22,952.10	23,113.90	23,320.29
DKK	DANISH KRONE	-	3,330.19	3,434.67
EUR	EURO	25,044.07	25,119.43	25,343.72
GBP	BRITISH POUND	34,012.57	34,252.34	34,558.18
HKD	HONGKONG DOLLAR	2,863.35	2,883.53	2,920.94
INR	INDIAN RUPEE	-	332.67	346.55
JPY	JAPANESE YEN	183.95	185.81	187.47
KRW	SOUTH KOREAN WON	-	18.89	19.02
KWD	KUWAITI DINAR	-	73,312.75	75,612.84
MYR	MALAYSIAN RINGGIT	-	5,285.22	5,353.79
NOK	NORWEGIAN KRONER	-	2,682.89	2,767.06
RUB	RUSSIAN RUBLE	-	329.14	377.01
SAR	SAUDI RIAL	-	5,820.06	6,185.57
SEK	SWEDISH KRONA	-	2,635.23	2,701.65
SGD	SINGAPORE DOLLAR	15,677.20	15,787.71	15,992.52
THB	THAI BAHT	615.45	615.45	641.14
USD	US DOLLAR	22,455.00	22,455.00	22,515.00

Tỷ giá được cập nhật lúc 03/09/2015 20:00 và chỉ mang tính chất tham khảo

Chi nhánh:

Ngày:

Tiện ích

- Bookmark
- Sơ đồ website

Mạng lưới

- Mạng lưới VCB
- Điểm đặt ATM
- Điểm mua/ bán ngoại tệ

1.2. Cơ sở xác định tỷ giá

1.2.1. Trước tháng 12/1971

Chế độ bản vị vàng (thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20)

- Sự đồng nhất của đồng tiền trong giai đoạn này là HLV nên TGHĐ của các đồng tiền được dựa vào HLV có trong chúng (ngang giá vàng).

Ví dụ:

1FRF=0.32258 gr vàng (Pháp - 1803)

1GBP=7.32 gr vàng (Anh - 1821)

1USD=1.50463 gr vàng (Mỹ - 1879)

➔ Như vậy TGHĐ của GBP và USD là

$$\text{GBP/USD} = 7,32/1,50463$$

TGHĐ xác định dựa vào HLV gọi là ngang giá vàng (Gold Parity).

Vàng được chọn làm kim loại **tiền tệ duy nhất**.
Tiền được đúc bằng vàng. Song song với nó là tiền giấy khả hoán

Ví dụ:

1FRF=0.32258 gr vàng (Pháp - 1803)

1GBP=7.32 gr vàng (Anh - 1821)

1USD=1.50463 gr vàng (Mỹ - 1879)

Sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918, Thế giới chia thành nhiều chế độ tỷ giá:

- Chế độ bản vị vàng nguyên thủy (Mỹ)
- Chế độ bản vị vàng thoi (Anh, Pháp) Là chế độ bản vị vàng không trọn vẹn. Theo đó, **giấy bạc ngân hàng chỉ được đổi ra vàng thoi với số lượng và điều kiện hạn chế.**
- Chế độ bản vị hối đoái vàng: Là chế độ tiền tệ, giấy bạc ngân hàng không trực tiếp đổi ra vàng, chỉ được phép đổi ra ngoại hối, theo tỷ giá ấn định với ngoại tệ mạnh có thể đổi ra vàng.

Ví dụ: 1 HKD= 1/10 GBP; 1 VND = 1/35 USD

- Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các quốc gia ở châu Âu bị kiệt quệ về kinh tế nhưng Anh vẫn là nước mạnh.
- Lợi dụng vị thế này nước Anh đã thiết lập hệ thống tiền tệ quốc tế lấy đồng Bảng Anh làm đồng tiền chủ chốt. Và duy nhất có chính phủ Anh cho phép đổi GBP lấy vàng. Cứ 1.700 GBP (đồng Bảng Anh) đổi được 400 ounce (1ounce = 31,135 gr) tức 12,4414 kg vàng.
- Cho nên chế độ tiền tệ quốc tế này còn được gọi là chế độ bản vị vàng thoi hay chế độ bản vị vàng hối đoái

TS Phạm Ngọc Dương

48

b. Hệ thống tỷ giá Bretton Woods:

❖ Hội nghị Bretton Woods:



Do ảnh hưởng của chiến tranh thế giới lần thứ hai 1939-1945, tình hình tài chính tiền tệ của các nước TBCN hỗn loạn .

Để có thể vạch ra một trật tự kinh tế quốc tế mới phù hợp với điều kiện hiện tại, các nước Mỹ, Anh và một số nước đồng minh của họ đã họp tại **Bretton Woods** , **New Hampshire** (cách Boston 150 km). Hội nghị kéo dài từ ngày **1/7/1944** đến ngày **20/7/1944** dưới sự lãnh đạo của **J.M Keynes** và H.D White, 44 quốc gia tham dự hội nghị đã đi đến thỏa thuận :

✓ Thành lập IMF - International Monetary Fund

www.imf.org

✓ NH thế giới WB www.worldbank.org

✓ Hình thành hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods.

- **Hệ thống TGHD Bretton Woods** (the gold exchange standard)
Là hệ thống tỷ giá cố định theo USD, Tỷ giá hối đoái chính thức của các nước hội viên hình thành trên cơ sở so sánh với hàm lượng vàng chính thức của USD (1USD = 0,888671gr hay 35USD = 1 ounce vàng) và không được biến động quá phạm vi x% (1%) của tỷ giá chính thức đã đăng ký tại IMF.

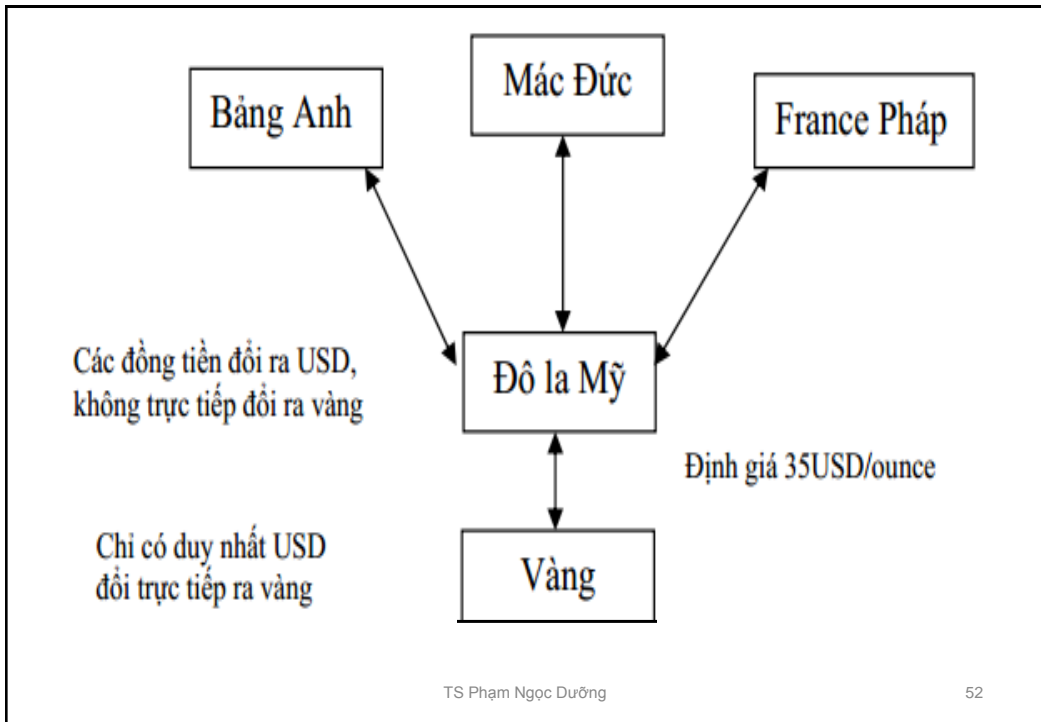
Ví dụ:

1USD = 4 DEM

1 USD = 6FRF

1USD = 360JPY.....

1ounce = 28.3495gr



Các cuộc khủng hoảng tiền tệ bùng nổ vào 1969 - 1970 => Đức, Hà lan, Canada thả nổi tỷ giá.

→ Năm 1971, Tổng thống Nixon chính thức bãi bỏ việc đổi USD ra vàng cho chính phủ các nước, tuyên bố phá giá USD lần 1 là 7.89% (1USD = 0.8185 gr vàng), mở rộng khung biên độ 2,25% (12/1971).

12/2/1973, Mỹ tuyên bố phá giá USD lần thứ hai => các nước thả nổi tỷ giá.

Hệ thống TGHD Bretton Woods → Kết thúc

TS Phạm Ngọc Dương

53

Chế độ Rúp chuyển nhượng (1964 – 1991)

Các nước XHCN là thành viên của SEV đã ký Hiệp định thanh toán nhiều bên bằng Rúp chuyển khoản 1963. Đồng thời thành lập Ngân hàng hợp tác quốc tế để theo dõi và thực hiện quá trình. Hiệp định có hiệu lực từ năm 1964 (1Rúp = 1,5 USD).

Cơ chế sử dụng Rúp chuyển nhượng tương tự như SDR là loại tiền ghi sổ dùng để ghi chép, hạch toán, bù trừ giữa các thành viên trong khối SEV. Khi hệ thống XHCN tan rã thì khối SEV cũng không còn nữa, Rúp chuyển nhượng cũng chấm dứt sau 27 năm tồn tại vào năm 1991.

Chế độ tiền tệ Gia mai ca (SDR)

Chế độ tiền tệ Giamaica ra đời trên cơ sở Hiệp định được ký kết giữa các nước thành viên của IMF tại Giamaica năm 1976.

Theo đó SDR (Special Drawing Right - Quyền rút vốn đặc biệt) là đơn vị tiền tệ quốc tế, được xác định thông qua rổ tiền tệ. Từ 1970 trở về trước thì 1 SDR bằng với 1 USD. Lúc đầu rổ tiền tệ bao gồm 16 đồng tiền mạnh nhất nhưng hiện nay rổ tiền tệ chỉ gồm 5 đồng tiền mạnh của 5 quốc gia thành viên có thị phần xuất khẩu lớn nhất thế giới đó là 5 đồng tiền: USD, GBP, DEM, JPY và FRF. SDR không chỉ là đồng tiền dự trữ mà còn là loại tiền tệ định giá trong giao dịch quốc tế. Từ khi SDR được coi là một loại tiền tệ, giá trị của nó trở nên ổn định hơn bất kỳ giá trị đồng tiền nào đã tham gia vào SDR. Bản chất SDR làm cho nó trở thành một loại tiền tệ định giá hấp dẫn trong các hợp đồng tài chính và thương mại quốc tế trong môi trường bất ổn định của tỷ giá hối đoái.

Chế độ tiền tệ Châu Âu



Cộng đồng kinh tế Châu Âu được thành lập từ năm 1957 theo Hiệp ước Rôma. Khi mới thành lập gồm có 6 thành viên, 1972 có thêm 6 thành viên nữa. Năm 1995 Liên minh Châu Âu có thêm 3 thành viên đưa tổng số thành viên lên 15 thành viên. Năm 1979 Hệ thống tiền tệ Châu Âu được hình thành với những nội dung sau: ECU là đơn vị tiền tệ quốc tế khu vực của các nước Châu Âu. Giá trị của ECU dựa trên sức mua của những đồng tiền tham gia rổ tiền tệ. Các thành viên thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt với biên độ dao động là 0,25% so với tỷ giá hối đoái chính thức. Việc điều chỉnh các quan hệ tiền tệ quốc tế giữa các nước thành viên được tiến hành thông qua Quỹ hợp tác ngoại hối Châu Âu. Năm 1991 Liên minh tiền tệ Châu Âu bắt đầu đi vào hoạt động, đồng EURO ra đời và tồn tại song song với các đồng tiền quốc gia thông qua tỷ giá chuyển đổi được công bố dưới dạng tiền ghi sổ.

1.2.2. Sau tháng 12/1971

Chế độ tiền tệ Bretton Woods sụp đổ, đồng Đô la không được đổi ra vàng. TGHĐ của đồng tiền từ giai đoạn này được xác định dựa vào sức mua của tiền tệ.

VD:

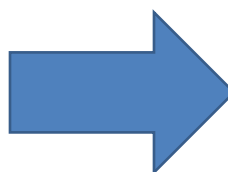
- Lô hàng A bán tại Mỹ = 16 USD.
Bán tại Anh = 10 GBP.
- TGHĐ giữa USD và GBP được xác định dựa vào sức mua của 2 loại tiền trên, có nghĩa là:

$$\text{USD/GBP} = 10/16 = 0,625$$

TGHĐ dựa vào sức mua gọi là ngang giá sức mua (Purchasing Power parity - PPP).

Chế độ tiền tệ ngày nay

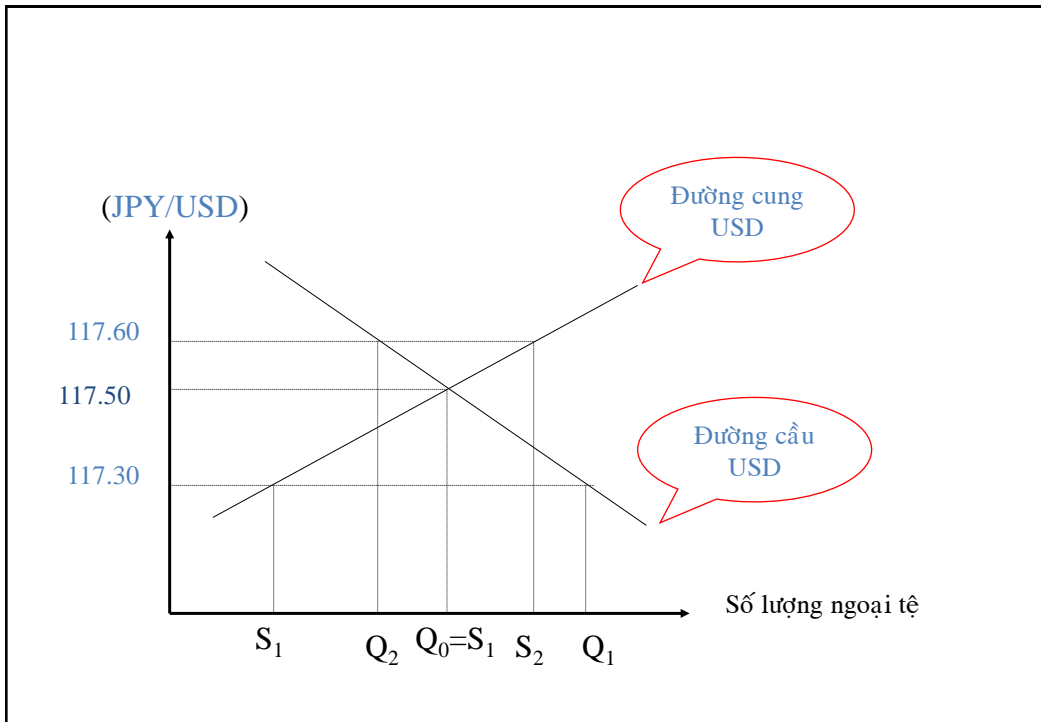
- ✓ Tỷ giá cố định (**Fixed Exchange rate**)
- ✓ Tỷ giá thả nổi tự do và tỷ giá thả nổi có quản lý - tỷ giá linh hoạt (**Flexible exchange Rate Regimes**)
- ✓ Tỷ giá thả nổi tự do (**Freely Floating Exchange rate**)
- ✓ Tỷ giá thả nổi có quản lý (**Managed Float exchange rate**)
- ✓ Tỷ giá thả nổi tập thể



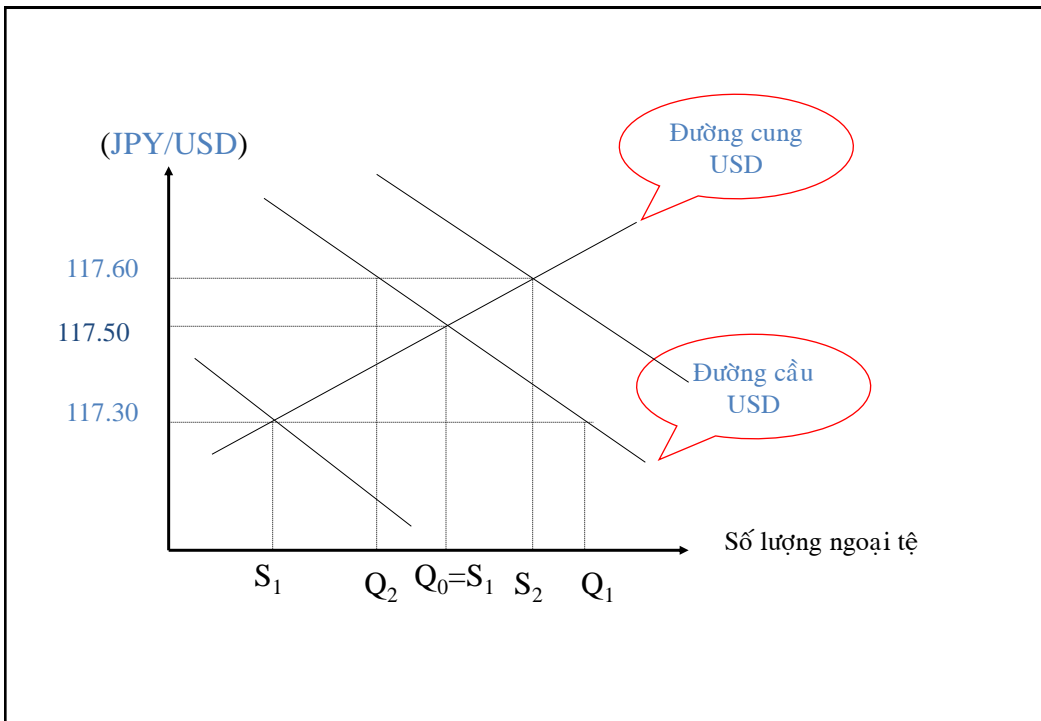
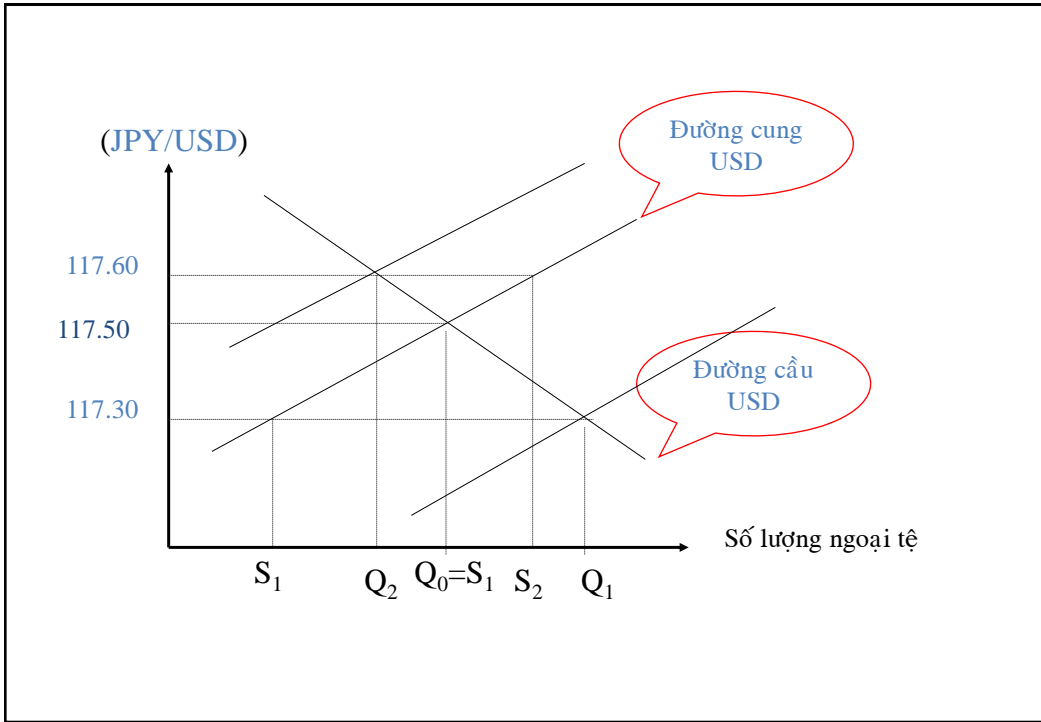
TS Phạm Ngọc Dương

58

- **Tỷ giá cố định (Fixed Exchange rate):** là tỷ giá không biến động thường xuyên, không phụ thuộc vào quy luật cung cầu, mà phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chính phủ.
- **Tỷ giá thả nổi tự do (Freely Floating Exchange rate):** Tỷ giá thả nổi tự do là cơ chế tỷ giá mà theo đó giá cả ngoại tệ sẽ do cung cầu quyết định và không có sự can thiệp của chính phủ.



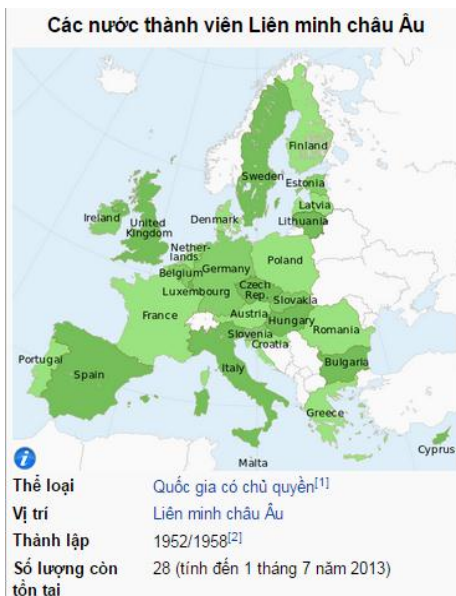
- **Tỷ giá thả nổi có quản lý** ([Managed Float exchange rate](#))
- Là tỷ giá thả nổi nhưng có sự can thiệp của chính phủ. Chính phủ (NHTW) sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ hoặc công cụ hành chính để tác động lên tỷ giá hối đoái phục vụ cho chiến lược chung của nước mình.
- VD:
Ngày 11/8/2015 Trung Quốc đã quyết định phá giá CNY gần 2% so với đồng USD => Hoảng loạn thị trường CK thế giới



- **Tỷ giá thả nổi tập thể:**
Nổi bật nhất là hệ thống tiền tệ Châu Âu (EMS-European Monetary System 1978).

Ngày 01/01/1999 EURO chính thức ra đời với đầy đủ tư cách của một đồng tiền thực, chung và duy nhất cho cả khối EU

- Hiện thời có 18 nước sử dụng đồng tiền chung châu Âu là Áo, Bỉ, Síp, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ireland, Ý, Latvia, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha.
- Các quốc gia trong EU tạm thời không sử dụng đồng Euro: Anh, Đan Mạch và Thụy Điển



Nước	Giã nhập	Đến số (2011-01-01)	GDP danh nghĩa World Bank, 2009 (tỷ USD)	Tỷ trọng GDP so với GDP toàn khối (danh nghĩa)	GDP danh nghĩa bình quân đầu người World Bank, 2009 (USD)	Ngoại lệ
Áo	1999-01-01	8.404.282	384.908	3,03%	45.799	
Bỉ	1999-01-01	10.918.405	468.522	3,76%	42.911	
Síp gồm cả dân cư quân sự của Anh	2008-01-01	836.896 14.500	24.910	0,20%	30.966	Bắc Síp ^[4]
Estonia	2011-01-01	1.340.194	19.120	0,15%	14.267	
Phần Lan	1999-01-01	5.375.276	237.512	1,91%	44.186	
Pháp	1999-01-01	65.075.373	2.649.390	21,26%	40.713	Nouvelle-Calédonie ^[5] Polynésie thuộc Pháp ^[6] Wallis và Futuna ^[7]
Đức	1999-01-01	81.751.602	3.330.032	28,73%	40.734	
Hy Lạp	2001-01-01	11.325.897	329.924	2,65%	29.130	
Ireland	1999-01-01	4.480.858	227.193	1,82%	50.703	
Ý	1999-01-01	60.626.442	2.112.780	16,96%	34.849	Campione d'Italia ^[8]
Latvia	2014-01-01	2.070.371	42.471	0,34%	20.514	
Luxembourg	1999-01-01	511.840	52.449	0,42%	102.471	
Malta	2008-01-01	417.617	7.449	0,06%	17.837	
Hà Lan	1999-01-01	16.655.799	792.128	6,36%	47.559	Aruba ^[9] Curaçao ^[10] Sint Maarten ^[11] Caribe Hà Lan ^[12]
Bồ Đào Nha	1999-01-01	10.636.979	227.676	1,83%	21.404	
Slovakia	2009-01-01	5.435.273	87.642	0,70%	16.125	
Slovenia	2007-01-01	2.050.189	48.477	0,39%	23.645	
Tây Ban Nha	1999-01-01	47.190.493	1.480.280	11,72%	30.944	
Eurozone		331.963.357	12.460.362	100%	37.535	

Khu vực Euro:

- Khu vực Euro (18)
- Những quốc gia thuộc Liên Âu quy định sẽ phải gia nhập hệ thống Euro (8)
- Quốc gia thuộc Liên Âu có quyền rút khỏi hệ thống Euro (1)
- Quốc gia Liên Âu dự định mở cuộc trưng cầu dân ý về việc gia nhập hệ thống Euro nhưng với quyền rút khỏi hệ thống (1)
- Khu vực ngoài khối Liên Âu dùng Euro theo thỏa hiệp riêng (5)
- Khu vực ngoài khối Liên Âu dùng Euro mà không có thỏa hiệp (4)

Các nước hay lãnh thổ ngoài Liên minh châu Âu nhưng sử dụng đồng Euro được tô đậm bằng đường gạch màu xanh.

Cơ chế tỷ giá hối đoái của Việt Nam:

1955 - 1CNY =1470 VND,

1985 - 1USD=18VND,

1987 - 1USD=900VND,

Kể từ 20/10/1988 QĐ 271/HĐBT điều chỉnh tỷ giá theo tín hiệu thị trường (11/1988: 2600VND/USD, 12/1989 4400, 12/1990: 7000VND/USD có lúc tăng 14000)

Ngày 25/10/1991 QĐ 337/HĐBT chống đầu cơ ngoại tệ, thành lập Trung Tâm GD NT (12/1991 là 12700, 12/1992 là 10500, 12/1993 là 10840)

Ngày 20/09/1994 QĐ 203/NHNN thành lập thị trường NT LNH, công bố tỷ giá chính thức $\pm x\%$ (0.5%-1%-5%-10%)

Ngày 07/08/1998 đưa tỷ giá chính thức lên bằng tỷ giá Liên ngân hàng và điều chỉnh biên độ 7%)

Ngày 25/02/1999 NHNN công bố tỷ giá bình quân trên TTNTLNH, các NHTM mua bán trong phạm vi 0.1%, hiện nay $\pm 0.25\%$

1.3. Cách nhận biết tỷ giá

❖ Quy ước tên đơn vị tiền tệ

■ Ký hiệu đơn vị tiền tệ

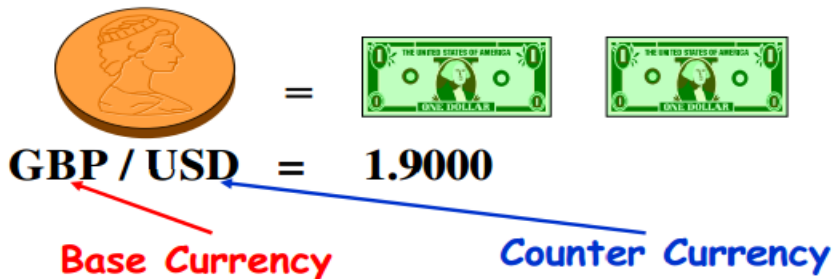
- all currency codes normally follow the ISO naming standard for countries for the first two letters of the code
- and then appended with a letter for the currency

United States	USD	Dollar
Great Britain	GBP	Pound
European Union	EUR	EURO

- Tham khảo: www.exchangerates.com

■ Nguyên tắc

1 base currency = x counter currency
hay 1 đồng tiền yết giá = x đồng tiền định giá



VD:

Tại NHVCB niêm yết các loại TG sau:

USD/VND= 15.990/ 16.000

GBP/USD= 1.8845/75

- Tỷ giá đứng trước (15990; 1.8845) là tỷ giá NH mua USD và GBP gọi là **tỷ giá BID** (BID Rate)
- Tỷ giá đứng sau (16.000; 1.8875) là tỷ giá NH bán USD và GBP, gọi là **tỷ giá ASK** (ASK Rate).
- Tỷ lệ : $ASK - BID = Spread$
Spread chính là lợi nhuận của NH thu được.

1.3.1. Cách viết tỷ giá

Tỷ giá hối đoái thường được viết dưới dạng thập phân có 4 chữ số thập phân, ngoại trừ đồng Yên chỉ có 2 chữ số thập phân.

■ Tỷ giá:

	BID	ASK
GBP/USD =	1.9023	1.9026
	Mua GBP	Bán GBP
	Bán USD	Mua USD

Quy tắc:

- o Số nhỏ là giá mua đồng tiền yết giá (GBP), là giá bán đồng tiền định giá (USD).
- o Số lớn là giá bán đồng tiền yết giá (GBP), là giá mua đồng tiền định giá (USD).

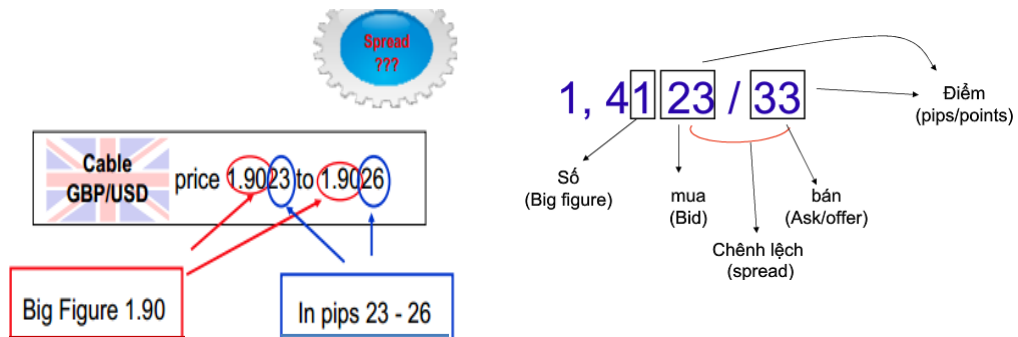
Tỷ giá

	BID		ASK
USD/CHF =	1.2350	---	1.2360
	MUA USD		BÁN USD
	BÁN CHF		MUA CHF

Lưu ý:

- số nhỏ là giá mua đồng tiền yết giá (USD) và là giá bán đồng tiền định giá (CHF).
- số lớn là giá bán đồng tiền yết giá (USD) và là giá mua đồng tiền định giá (CHF).

1.3.1. Cách đọc tỷ giá



Pip (points) là sự thay đổi nhỏ của một cặp tiền trong thị trường forex. **Pips** là đơn vị nhỏ nhất mà một đồng tiền có thể thay đổi. 1 pip luôn luôn bằng 1/100 của một cent.
VD: khi tỷ giá USD/JPY tăng từ 79.01 lên 79.02 nghĩa là nó đã tăng 1 pip

TS Phạm Ngọc Dương

78

- **Phương pháp đọc tỷ giá**

(Ngôn ngữ trong giao dịch hối đoái quốc tế)

Vì những lý do nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm, các tỷ giá không bao giờ được đọc đầy đủ trên thị trường, mà người ta thường đọc những con số có ý nghĩa.

Các con số đằng sau dấu phẩy được đọc theo nhóm hai số. Hai số thập phân đầu tiên được gọi là “số” (**figure**), hai số kế tiếp gọi là “điểm” (**point**). Trong ví dụ đó thì số là 40, điểm là 60.

Như vậy, ta thấy tỷ giá mua và tỷ giá bán có khoảng chênh lệch (tiếng Anh gọi là: **Spread**), thông thường vào khoảng 5 đến 20 điểm.

Spread

Spread là khoảng chênh lệch giữa giá mua (Bid) và giá bán (Ask) của từng cặp ngoại hối. Tùy broker mà spread có thể cố định hay biến động với từng cặp tiền, VD: EURUSD có giá bid là 1.4995 và giá ask là 1.4997, chênh lệch 2 pips giữa giá mua và giá bán chính là spread của cặp EUR/USD.

Spread của các broker sẽ khác nhau, có broker lấy cao (vd: 3 pips trên EURUSD) và có broker lấy spread thấp (vd 1- 2pips trên EURUSD). Spread có 2 dạng, Fixed và không Fixed. Nếu Fixed thì spread của broker sẽ không thay đổi, nếu không fixed thì spread có thể giãn ra khi có tin hay khi thị trường biến động mạnh (vd bình thường thì EURUSD chỉ có 2 pips, nhưng lúc có tin có thể tăng lên 6-7 pips). Spread có fixed hay không là tùy broker.

❖ Đối với một số loại tiền có giá cao như USD, GBP, EURO, CAD: *tỷ giá ASK chỉ công bố điểm (point) đọc là điểm. Hai chữ số đầu sau dấu phẩy đọc là số (figure), hai số sau gọi là điểm (point).*

- Cứ 100 điểm tăng lên 1 số.
- Cứ 100 số tăng lên 1 đơn vị tiền tệ

VD: $GBP/USD = 1,8845/75$.

đọc là: Tỷ giá Bảng Anh- Đô la Mỹ từ 1,8845 đến 75 (một đơn vị, tám tám số, bốn lăm điểm đến bảy nhăm điểm).

1.4 . Các phương pháp yết giá

- Yết giá trực tiếp (Direct quotation):
- Yết giá gián tiếp (Indirect quotation):

❖ Phương pháp yết giá trực tiếp (Direct quotation):

Là phương pháp biểu thị giá trị 1 đơn vị ngoại tệ thông qua số lượng nội tệ nhất định.

$$1 \text{ ngoại tệ} = x \text{ nội tệ}$$

Ví dụ

USD/JPY = 114.82 ở Nhật

USD/VND = 16248 ở Việt Nam

„Áp dụng : Nhật, Thái Lan, Hàn Quốc và Việt Nam...

„Cụ thể: www.vcb.com.vn

❖ Phương pháp yết giá gián tiếp (Indirect quotation):

Là phương pháp biểu thị giá trị 1 đơn vị nội tệ thông qua một số lượng ngoại tệ nhất định.

1 nội tệ = y ngoại tệ

Ví dụ:

GBP/USD = 1.9841 ở Anh

AUD/USD = 0.7667 ở Úc

„Áp dụng : Anh, Úc, Newzealand,

„Cụ thể: www.forexdirectory.net

Case study

Yết giá	Đồng tiền yết giá	Đồng tiền định giá
EUR/USD: 1,2815 – 1,2818		
AUD/USD: 0,7481- 0,7486		
USD/JPY: 106,68 – 106,73		

Case study

Yết giá	Trực tiếp	Gián tiếp
EUR/USD: 1,2815 – 1,2818, frankfurt		X
AUD/USD: 0,7481- 0,7486, Ở Sydney		X
USD/JPY: 106,68 – 106,73, ở Tokyo	X	
GBP/USD: 1,8421 – 1,8426: Ở London		X
USD/VND: 15730 – 15761, Ở Tp.HCM	X	

TS Phạm Ngọc Dương

86

Bài tập áp dụng

- Ngân hàng ACB niêm yết tỷ giá :

$$\text{USD/VND} = 20.890 - 20.920$$

$$\text{GBP/USD} = 1.5670 - 1.5673$$

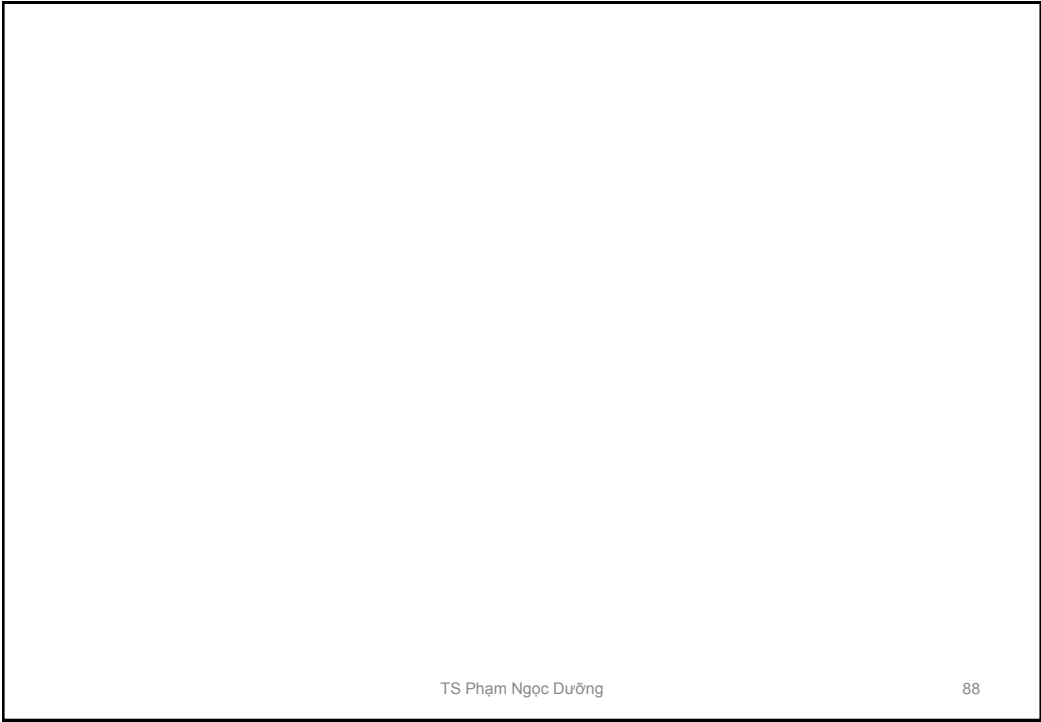
$$\text{EUR/USD} = 1.3019 - 1.3022$$

$$\text{USD/JPY} = 78.39 - 78.45$$

- Hãy xác định SPREAD của các cặp tiền?



87



1.5. Các loại tỷ giá thông dụng

1.5.1. Phân loại theo cách quản lý của ngân hàng Trung ương, ta có:

- Tỷ giá chính thức – Official rate. là tỷ giá Do NHNN xác định và công bố hàng ngày, tỷ giá này thường dùng làm tỷ giá tham khảo cho các NHTM và làm tỷ giá tính toán trong công tác kế toán, kế hoạch
- Tỷ giá tự do – Market rate.
- Tỷ giá cố định – Fixed rate.
- Tỷ giá thả nổi – Floating rate.

1

1.5.2. Phân loại theo nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại ta có:

- Tỷ giá mua vào – Bid rate.
- Tỷ giá bán ra – Ask rate.
- Tỷ giá giao ngay – Spot rate.
- Tỷ giá kỳ hạn – Forward rate.
- Tỷ giá mở cửa – Opening rate.
- Tỷ giá đóng cửa – Closing rate.
- Tỷ giá tiền mặt - Cash rate
- Tỷ giá chuyển khoản – Transferrable rate

TS Phạm Ngọc Dương

90

1.5.3. Phân loại theo thời điểm giao dịch, ta có:

- Tỷ giá đóng cửa: tỷ giá ở thời điểm cuối giờ giao dịch
- Tỷ giá mở cửa: tỷ giá ở thời điểm đầu giờ giao dịch

TS Phạm Ngọc Dương

91

1.5.4. Căn cứ vào phương tiện thanh toán

- **Tỷ giá điện hối (Telegraphic Transfer Rate)** là tỷ giá chuyển ngoại hối bằng điện; là tỷ giá cơ sở để xác định các loại tỷ giá khác; nhanh nhưng đắt.
- **Tỷ giá thư hối (Mail Transfer Rate)** là tỷ giá chuyển ngoại hối bằng thư; rẻ nhưng chậm.

TS Phạm Ngọc Dương

92

- **Tỷ giá séc và Tỷ giá hối phiếu trả ngay - Cheque rate & Draft rate.**
- **Ví dụ:** Tỷ giá hối phiếu trả ngay
 - ✓ 1 hối phiếu trả ngay có Σ giá trị: 1000 GBP.
 - ✓ Lãi suất của ngân hàng Anh: 4%/năm.
 - ✓ TGDH 1 GBP từ London->New York=> 1 GBP=2,8 USD
 - ✓ Số ngày cần thiết chuyển HP từ London to New York (N): 15 ngày

➔ Giá của hối phiếu 1000 GBP trả ngay là:

$$1000 \text{ GBP} = (1000 \times 2,8) - \frac{2800 \times 4 \times 15}{100 \times 360} = 2,795$$

Hay 1GBP = 2,795 USD

93

• Tỷ giá hối phiếu kỳ hạn

Ví dụ:

1 hối phiếu có Σ giá trị: 1000 GBP.

Lãi suất của ngân hàng Anh: 4%/năm.

TGDH 1GBP từ London->New York=> 1 GBP=2,8 USD

Kỳ hạn của hối phiếu là (N): 90 ngày

➔ Giá của hối phiếu 1000 GBP có kỳ hạn 90 ngày là:

$$1000 \text{ GBP} = (1000 \times 2,8) - 2800 \times \frac{4 \times 3}{100 \times 12} = 2772$$

Hay 1 GBP = 2,772 USD

TS Phạm Ngọc Dương

94

Tỷ giá xuất khẩu:

$$f = \frac{\text{Tổng giá vốn hàng VN trên sàn tàu (VND)}}{\text{Ngoại tệ thu theo giá FOB tại cảng VN (USD)}}$$

Tỷ giá nhập khẩu:

$$= \frac{\text{Tổng giá bán hàng nhập tại cảng VN (VND)}}{\text{Ngoại tệ trả theo giá CIF tại cảng VN (USD)}}$$

TS Phạm Ngọc Dương

95

Tỉ giá xuất khẩu (Kx): Là số tiền trong nước phải chi ra để có được 1 đơn vị ngoại tệ tính theo giá FOB

$$Kx = \frac{\text{Tổng chi phí hàng xuất khẩu (VND)}}{\text{Tổng doanh thu hàng xuất khẩu (USD)}}$$

Trong đó :

+ Tổng chi phí hàng XK tính bằng **tiền trong nước** bao gồm: trị giá thu mua hàng XK, c/phí đóng gói bao bì, c/phí lưu thông nội địa, chi phí thủ tục HQ, kiểm nghiệm, giao nhận, lãi tiền vay NH, thuế, các c/phí khác, ...

+ Tổng doanh thu hàng xuất khẩu tính bằng **ngoại tệ** theo giá FOB.

+ Nếu $Kx < \text{tỉ giá hối đoái thời điểm thanh toán}$ thì nên xuất khẩu

+ Nếu $Kx > \text{tỉ giá hối đoái thời điểm thanh toán}$ thì không nên XK

TS Phạm Ngọc Dương

96

Tỉ giá nhập khẩu (Kn): Là số tiền trong nước thu được khi phải chi ra 1 đơn vị ngoại tệ để nhập khẩu

$$Kn = \frac{\text{Tổng doanh thu hàng nhập khẩu (VND)}}{\text{Tổng chi phí hàng nhập khẩu (USD)}}$$

Trong đó :

+ Tổng doanh thu hàng NK tính bằng đồng **tiền trong nước** (số lượng x giá bán)

+ Tổng c/phí hàng NK tính bằng **ngoại tệ**. Bao gồm : trị giá thu mua hàng NK tính theo giá CIF, chi phí lưu thông trong nội địa (vận tải, kho bãi, xếp dỡ, ...), phí thủ tục hải quan, kiểm nghiệm, giao nhận, lãi NH, thuế nhập khẩu và các thuế khác, các chi phí khác.

+ $Kn > \text{tỉ giá hối đoái thời điểm thanh toán}$ thì nên nhập khẩu

+ $Kn < \text{tỉ giá hối đoái thời điểm thanh toán}$ thì không nên nhập khẩu

97

1.6. Cách tính tỷ giá bằng phương pháp tính chéo

Khái niệm:

Tỷ giá chéo là tỷ giá giữa hai đồng tiền được tính toán thông qua một đồng tiền thứ 3 (thường là đồng Dollar Mỹ)

Nguyên tắc cơ bản:
$$\frac{A}{B} = \frac{A}{C} \times \frac{C}{B}$$

- Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá trực tiếp
- Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá gián tiếp
- Tỷ giá chéo giữa 1 đồng tiền yết giá gián tiếp và 1 đồng tiền yết giá trực tiếp

TS Phạm Ngọc Dương

98

1.6.1. Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá trực tiếp

Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá trực tiếp →

Bảng tỷ giá giữa USD và đồng tiền định giá chia cho tỷ giá giữa USD và đồng tiền yết giá.

Ví dụ 1

USD/JPY = 117.88

USD/CHF = 1.3162

Tính CHF/JPY?

$$\text{CHF/JPY} = \frac{117.88}{1.3162} = 89.56$$

TS Phạm Ngọc Dương

99

Tỷ giá		Case study <ul style="list-style-type: none"> • Tính: JPY/VND
USD/VND	15730	
GBP/USD	1,8421	
EUR/USD	1,2815	
AUD/USD	0,7481	
USD/JPY	106,68	
GBP/VND		
EUR/VND		
AUD/VND		
JPY/VND		
GBP/AUD		
AUD/GBP		
EUR/JPY		
AUD/JPY		
AUD/EUR		

100

1.6.2. Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá gián tiếp

Tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền yết giá gián tiếp →

Bảng tỷ giá giữa đồng tiền yết giá và USD chia cho tỷ giá giữa đồng tiền định giá và USD

Ví dụ:

GBP/USD=1.7347

AUD/USD=0.7302

Tính GBP/AUD

$$\text{GBP/AUD} = \frac{1.7347}{0.7302} = 2.3756$$

TS Phạm Ngọc Dương

101

Tỷ giá		Case study Tính: GBP/EUR GBP/AUD
USD/VND	15730	
GBP/USD	1,8421	
EUR/USD	1,2815	
AUD/USD	0,7481	
USD/JPY	106,68	
GBP/VND		
EUR/VND		
AUD/VND		
JPY/VND		
GBP/AUD		
AUD/GBP		
EUR/JPY		
AUD/JPY		
AUD/EUR		

102

1.6.3. Tỷ giá chéo giữa 1 đồng tiền yết giá gián tiếp và 1 đồng tiền yết giá trực tiếp

Tỷ giá chéo giữa 1 đồng tiền yết giá gián tiếp và 1 đồng tiền yết giá trực tiếp

Bằng tỷ giá giữa đồng tiền yết giá và USD nhân cho tỷ giá giữa USD và đồng tiền định giá.

Ví dụ

GBP/USD=1.7347

USD/CAD=1.1933

Tính GBP/CAD ?

$$\text{GBP/CAD} = 1.7347 \times 1.1933 = 2.0700$$

103

Tỷ giá		Case study
USD.VND	15730	
GBP/USD	1,8421	
EUR/USD	1,2815	
AUD/USD	0,7481	
USD/JPY	106,68	
GBP/VND	?	
EUR/VND	?	
AUD/VND	?	
JPY/VND		
GBP/AUD		
AUD/GBP		
EUR/JPY		
AUD/JPY		
AUD/EUR		

104

Vận dụng nguyên tắc tính chéo để tính tỷ giá mua và tỷ giá bán

Tỷ giá các ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Mã NT	Tên ngoại tệ	Mua tiền mặt	Mua chuyển khoản	Bán
AUD	AUST.DOLLAR	18,627.05	18,739.49	18,979.20
CAD	CANADIAN DOLLAR	18,879.31	19,050.77	19,294.47
CHF	SWISS FRANCE	23,169.47	23,332.80	23,631.27
DKK	DANISH KRONE	-	3,810.23	3,889.97
EUR	EURO	28,481.04	28,566.74	28,874.36
GBP	BRITISH POUND	34,632.06	34,876.19	35,251.76
HKD	HONGKONG DOLLAR	2,679.15	2,698.04	2,743.50
INR	INDIAN RUPEE	-	333.09	346.93
JPY	JAPANESE YEN	202.87	204.92	207.54
KRW	SOUTH KOREAN WON	-	18.03	22.05
KWD	KUWAITI DINAR	-	74,090.59	75,641.12
MYR	MALAYSIAN RINGGIT	-	6,306.52	6,387.20
NOK	NORWEGIAN KRONER	-	3,419.14	3,490.69
RUB	RUSSIAN RUBLE	-	550.83	673.72
SAR	SAUDI RIAL	-	5,461.05	5,802.97
SEK	SWEDISH KRONA	-	3,249.02	3,303.77
SGD	SINGAPORE DOLLAR	16,399.22	16,514.82	16,793.12
THB	THAI BAHT	635.37	635.37	661.78

(1) Hai đồng tiền yết giá trực tiếp

- **Tỷ giá mua:** bằng tỷ giá mua của đồng USD so với đồng tiền định giá **chia** cho tỷ giá bán của đồng tiền USD so với đồng tiền yết giá
- **Tỷ giá bán:** bằng tỷ giá bán của đồng tiền định giá so với USD **chia** cho tỷ giá mua của đồng USD so với đồng tiền yết giá

TS Phạm Ngọc Dương

106

Ví dụ:

Một công ty Nhật tại Canada bán một lô hàng thu được **100,000 CAD**, và cần bán cho ngân hàng để chi trả lương bằng JPY cho nhân viên và các khoản thanh toán khác. Khi đó, ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu **JPY**?

Biết rằng $USD/JPY = 118.86 - 90$

$USD/CAD = 1.1937 - 42$

107

(2) Hai đồng tiền yết giá gián tiếp

- **Tỷ giá mua:** bằng tỷ giá mua giữa đồng tiền yết giá so với USD *chia* cho tỷ giá bán giữa đồng định giá so với USD
- **Tỷ giá bán:** bằng tỷ giá bán giữa đồng yết giá so với USD *chia cho* tỷ giá mua giữa đồng định giá so với đồng USD

Ví dụ:

Một công ty Anh xuất khẩu một lô hàng thu được **1000 GBP**, cần bán cho ngân hàng lấy **AUD** để thanh toán một hợp đồng nhập khẩu đã đến hạn.

Với $\text{GBP/USD} = 1.7565 - 1.7569$

$\text{AUD/USD} = 0.7430 - 0.7434$

Câu hỏi:

- Tính tỷ giá mua và bán của tỷ giá chéo **GBP/AUD**
- Khi đó, ng/hàng sẽ thanh toán cho c/ty bao nhiêu **AUD**?

(3) Một yết giá trực tiếp và một yết giá gián tiếp:

Tỷ giá mua: bằng tỷ giá mua của đồng tiền yết giá so với đồng USD *nhân* với tỷ giá mua của đồng USD so với đồng tiền định giá

Tỷ giá bán: bằng giá bán của đồng tiền yết giá so với đồng USD *nhân* cho giá bán của đồng USD so với đồng tiền định giá

Ví dụ:

Một công ty Pháp xuất khẩu một lô hàng thu được 100,000 EUR, cần bán cho ngân hàng để lấy CHF nhằm thanh toán cho hợp đồng nhập khẩu đã đến hạn. Khi đó, ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu CHF?

Với EUR/USD = 1.1901 -1.1904

USD/CHF = 1.3038 -1.3042

Bài tập tình huống 1

Ví dụ 1: Công ty A tại Singapore xuất khẩu sang Thụy Sĩ thu được 100.000 CHF, cần bán cho Ngân hàng để thu SGD trả tiền trong nước.

$$\text{Cho biết : USD / CHF} = 1.3250 - 55$$

$$\text{USD / SGD} = 1.7190 - 95$$

Hỏi : - Tỷ giá CHF/SGD ?

- Công ty A thu được bao nhiêu SGD ?

Bài tập 2:

Tập đoàn Hòa Phát cần bán 20.000 GBP cho Vietcombank để lấy VND trả lương cho nhân viên. Hỏi Hòa Phát thu được bao nhiêu VND, biết rằng tỷ giá Vietcombank niêm yết là :

$$\text{GBP/USD} = 1.5287 - 97$$

$$\text{USD/VND} = 20.890 - 20$$

Tính tỷ giá chéo: GBP / VND ?

Bài tập 3:

Một công ty tại Đức nhập khẩu từ Anh trị giá HĐ là 50.000 GBP. Hỏi Công ty phải dùng bao nhiêu EUR để thanh toán đủ cho đối tác.

Biết rằng:

$$\text{GBP/USD} = 1.5287 - 97$$

$$\text{EUR/USD} = 1.3134 - 40$$

114

1.7. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá

❖ Nhóm yếu tố về lạm phát

Nếu lạm phát trong nước cao hơn lạm phát ở nước ngoài

=> HH trong nước sẽ trở nên đắt đỏ hơn so với hàng n/ngoài

Ví dụ minh họa 2: (tính tỷ giá cuối kỳ)

Bỏ qua chi phí vận chuyển thì cùng một HH (xe Ô tô Toyota) bán tại Việt Nam là 440.000.000 VND, tại Mỹ là 20.000 USD

Như vậy : $USD/VND = 440.000.00/20.000 = 22.000$

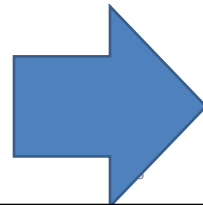
Nếu cuối năm VN lạm phát 9 %, Mỹ lạm phát 2% thì giá sẽ như thế nào ?

Công thức tính tỷ giá cuối kỳ

$$TGCK = TGDK * [(1 + Lp_d) / (1 + Lp_y)]$$

Trong đó :

- TGCK là tỷ giá ở thời điểm cần tính toán
- TGDK là tỷ giá ở thời kỳ mốc
- Lp_d là lạm phát của đồng tiền định giá
- Lp_y là lạm phát của đồng tiền yết giá



Ví dụ minh họa (tính bằng chênh lệch tỷ giá)

Ngày 10/7/20xx, 1 USD = 21.500.

+ Lạm phát của Việt Nam dự đoán tháng 12/20xx là 9%.

+ Lạm phát của Mỹ dự đoán tháng 12/20xx là 4%.

$$\begin{aligned} \text{Như vậy: } USD/VND &= 21.500[1+(0,09 - 0,04)] \\ &= 22.575 \end{aligned}$$

Kết luận: Tỷ giá biến động do lạm phát phụ thuộc vào mức chênh lệch lạm phát ở 2 nước có đồng tiền yết giá và định giá

Bài tập áp dụng

Hãy tính tỷ giá cuối kỳ, biết rằng đầu kỳ tỷ giá EUR/JPY là 119.24, trong kỳ EUR lạm phát 2,5% và Nhật lạm phát 1,5%.

118

❖ Nhóm yếu tố về cung cầu ngoại tệ trên thị trường

Nếu cán cân thanh toán thường xuyên thâm hụt ($\text{chi} > \text{thu}$), thì dự trữ ngoại tệ của quốc gia sẽ giảm, tình hình ngoại tệ căng thẳng, từ đó tạo ra nhu cầu ngoại tệ tăng lên, **giá ngoại tệ tăng**.

Nếu cán cân thanh toán thặng dư, ($\text{thu} > \text{chi}$), dự trữ ngoại tệ tăng, cung ngoại tệ trên thị trường tăng, **giá ngoại tệ có khuynh hướng giảm**.

TS Phạm Ngọc Dương

119

❖ Nhân tố lãi suất

- ❖ Nếu lãi suất trong nước tăng tương đối so với ng/tệ thì tài sản tài chính nội địa trở lên hấp dẫn các nhà đầu tư hơn tài sản tài chính ở nước ngoài => dòng vốn chảy vào thị trường nội địa => giảm cầu và tăng cung ngoại tệ => dòng tiền trong nước lên giá so với ngoại tệ => Hạn chế XK hàng hóa
- ❖ Nước nào có lãi suất ngắn hạn cao hơn nước khác thì vốn ngắn hạn sẽ chảy vào nhằm thu phần chênh lệch do tiền lãi tạo ra.

TS Phạm Ngọc Dương

120

Công thức chung:

$$R_f = R_s + R_s \left[\frac{N}{360} \times (I_d - I_y) \right]$$

Ví dụ:

Tỷ giá USD/JPY = **120**

$I_y = 8\%/năm$

$I_d = 10\%/năm$

$N = 1$ tháng

Tỷ giá sẽ thay đổi ntn vào cuối tháng?

Ta có:

$$R_f = 120 + 120 \left[\frac{1}{12}(0,10 - 0,08) \right] = 120,2$$

$$\text{USD/JPY 1 kỳ hạn tháng} = 120,2$$

121

❖ Sự kiểm soát của chính phủ

Các công cụ của chính sách tài chính tiền tệ như:
Dự trữ bắt buộc, lãi suất cơ bản, lãi suất tái ck, tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở...

Chính sách tài khóa: tăng/giảm chi tiêu của chính phủ trong ngân sách.

❖ Sự kỳ vọng của nhà đầu tư

(các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý)

Các sự kiện kinh tế/ biến động chính trị (TL)

Dự báo của thị trường về lãi suất, tỷ giá.

Tâm lý

1.8. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá

Ý nghĩa của việc điều chỉnh tỷ giá:

Cân bằng cán cân thanh toán

Khuyến khích XK, hạn chế NK

(1) Điều chỉnh tỷ giá bằng thay đổi lãi suất

Lãi suất thị trường tăng -> Vốn ngắn hạn chảy vào thị trường trong nước.

→ Dị sự căng thẳng của cung cầu -> TGHD giảm.

TS Phạm Ngọc Dương

124

(2) Điều chỉnh tỷ giá bằng chính sách thị trường mở

Đó là chính sách NN thông qua NHTW hoặc các tổ chức tài chính Nhà nước trực tiếp tham gia mua bán ngoại hối trên thị trường tự do nhằm tác động trực tiếp vào TGHD.

- Khi TGHD tăng, NHTW bán ngoại hối
- Khi TGHD giảm, NHTW mua ngoại hối

TS Phạm Ngọc Dương

125

(3) Điều chỉnh tỷ giá bằng phá giá đồng tiền hoặc nâng giá đồng tiền

Phá giá tiền tệ là sự đánh tụt sức mua của tiền tệ nước mình so với ngoại tệ thấp hơn sức mua thực tế của nó hay là nâng cao TGHD của một đơn vị ngoại tệ.

Mục đích:

- Đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu.
- Khuyến khích nhập khẩu vốn, hạn chế xuất khẩu vốn.
- Khuyến khích du lịch vào trong nước, hạn chế du lịch ra nước ngoài.
- Cướp không một phần giá trị thực tế của những ai nắm trong tay đồng tiền bị phá giá.

TS Phạm Ngọc Dương

126

Ví dụ:

- Tháng 12 /1971, USD phá giá 7,89%, kết quả là TGHD của một đơn vị NT (GBP) tăng từ: $1\text{GBP} = 2,40\text{ USD}$ lên $1\text{GBP} = 2,605\text{ USD}$, hay sức mua của USD giảm từ: $1\text{ USD} = 0,416\text{GBP}$ xuống còn $= 0,383\text{ GBP}$.
- 8/2015, Trung Quốc phá giá đồng CNY...

TS Phạm Ngọc Dương

127

(4) Điều chỉnh cán cân thanh toán

- Nếu $\text{thu} > \text{chi}$ -> cán cân thanh toán dư thừa -> khả năng cung cấp ngoại hối $>$ nhu cầu về ngoại hối
==> TGHĐ giảm xuống.
- Nếu $\text{chi} > \text{thu}$ -> cán cân thanh toán thiếu hụt -> khả năng cung cấp ngoại hối $<$ nhu cầu về ngoại hối
==> TGHĐ tăng lên.

(5) Nâng giá tiền tệ: (Revaluation)

Là việc nâng cao chính thức đơn vị tiền tệ nước mình so với ngoại tệ cao hơn sức mua thực tế của nó.

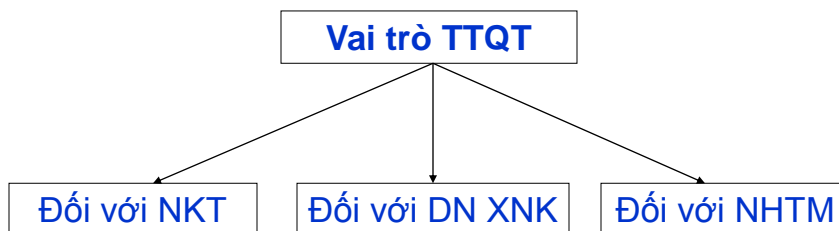
Ví dụ:

Tháng 10/1969 Mác Đức nâng giá -> $1 \text{ USD} = 4 \text{ DEM}$ giảm xuống còn 3,66 DEM hay 1 DEM tăng từ 0,25 USD lên 0,27 USD.

>>>>THANH TOÁN QUỐC TẾ

TTQT là việc thực hiện các nghĩa vụ chi trả và quyền hưởng lợi về tiền tệ phát sinh trên cơ sở các hoạt động kinh tế và phi kinh tế giữa các tổ chức, cá nhân nước này với tổ chức, cá nhân nước khác, hay giữa một quốc gia với tổ chức quốc tế, thông qua quan hệ giữa các ngân hàng của các nước.

VAI TRÒ CỦA THANH TOÁN QUỐC TẾ



□ Đối với nền kinh tế

- 1/ Bôi trơn và thúc đẩy hoạt động XNK.
- 2/ Bôi trơn và thúc đẩy hoạt động đầu tư nước ngoài.
- 3/ Thúc đẩy và mở rộng các hoạt động dịch vụ (du lịch...).
- 4/ Tăng cường thu hút kiều hối và các nguồn lực TC khác.
- 5/ Thúc đẩy thị trường tài chính quốc gia hội nhập quốc tế.

TS. Phạm Ngọc Dương

132

□ Đối với DN – XNK

- Nhà NK: Điều kiện trả tiền và nhận hàng.
- Nhà XK: Điều kiện giao hàng và nhận tiền.

□ Đối với NHTM

- Tăng thu nhập từ phí TTQT (xu hướng)
- Cơ sở phát triển các nghiệp vụ khác.

TS. Phạm Ngọc Dương

133

❖ **HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LÝ ĐIỀU CHỈNH TTQT**

❑ **Tại sao cần có hệ thống văn bản pháp lý quốc tế?**

- Luật pháp giữa các nước là khác nhau.
- Tham gia hoạt động quốc tế, các nước đều bình đẳng → không thể áp đặt luật quốc gia để điều chỉnh HĐ quốc tế.

❑ **Mỗi hành vi đều chịu sự điều chỉnh đồng thời bởi nhiều nguồn luật khác nhau, đó là:**

- Nguồn luật chung (Hiến pháp, Luật dân sự...)
- Luật chuyên ngành, Luật đặc thù (Luật NH, luật TTQT)

TS. Phạm Ngọc Dương

134

❑ **Theo tính chất PL giảm dần, các nguồn luật sau điều chỉnh hoạt động TTQT:**

- **Luật và Công ước quốc tế chung:**
 - ✓ Công ước LHQ về HĐ mua bán HH quốc tế (*Vienna Convention 1980*).
 - ✓ Luật thống nhất về hối phiếu (*Uniform Law for Bill of Exchange – ULB 1930*)
 - ✓ Công ước LHQ về Hối phiếu và Lệnh phiếu quốc tế (*Int'l B/E and Int'l PN – UN Convention 1980*)
- **Công ước Geneve 1931 về Séc quốc tế** (*Geneve Conventions for Check 1931*)

TS. Phạm Ngọc Dương

135

1

➤ **Nguồn luật quốc gia:**

- ✓ Luật dân sự
- ✓ Luật thương mại
- ✓ Luật ngân hàng
- ✓ Luật TTQT
- ✓ Luật các công cụ chuyển nhượng...

➤ **Thông lệ và Tập quán quốc tế (Luật đặc thù):**

- ✓ Quy tắc & thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP).
- ✓ Quy tắc thống nhất về hoàn trả liên hàng (URR).
- ✓ Quy tắc thống nhất về nhờ thu (URC).
- ✓ Điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms).

➤ **Trình tự ưu tiên về mặt pháp lý**

Khi có mâu thuẫn, thứ tự ưu tiên (giảm dần) như sau:

1. Công ước và Luật quốc tế.
2. Hiệp định song biên và đa biên.
3. Luật quốc gia.
4. Thông lệ và tập quán quốc tế.
 - Thế nào là tính chất pháp lý tùy ý?
 - Có nên Luật hóa các thông lệ và tập quán quốc tế?

❑ **NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ / NH Ủy thác**

❑ **Lý do thiết lập ngân hàng đại lý**

- Chủ yếu là để TT và cung cấp các dịch vụ ngân hàng.
- Các nội dung chủ yếu cần thỏa thuận:
 - ✓ Các mẫu chữ ký
 - ✓ Các khóa mã Telex, Swift
 - ✓ Các điều khoản, điều kiện
 - ✓ Danh mục ngân hàng đại lý
 - ✓ Báo cáo thường niên
 - ✓ Hợp đồng tín dụng

1

□ **Tài khoản Nostro và Vostro (hay Loro):**

➤ **Nostro = Our:**

Là tài khoản tiền gửi không kì hạn "của chúng tôi" mở tại ngân hàng đại lý. VD: Vietcombank mở tại HSBC London (Vietcombank là chủ tài khoản, còn HSBC London là người giữ tài khoản cho Vietcombank).

T/khoản này có số dư bằng ngoại tệ, cụ thể trong trường hợp này là GBP

140

➤ **Vostro hay còn gọi là TK Loro:**

Là tài khoản tiền gửi không kì hạn " của quý vị " mở tại ngân hàng chúng tôi hay của HSBC London mở tại Vietcombank (HSBC London là chủ TK, còn Vietcombank là người giữ TK). Tài khoản này có số dư bằng nội tệ :VND.

- Điều đặc biệt là tài khoản Nostro và Vostro có thể được duy trì bằng một ngoại tệ tự do chuyển đổi, được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế. Với các nước có đồng tiền chưa được tự do chuyển đổi thì phải dùng ngoại tệ mạnh trong TTQT.

➔ **Nếu xét trên góc độ HSBC London:**thì TK HSBC mở tại Vietcombank là TK Nostro, còn TK Vietcombank mở tại HSBC là TK Vostro.

141

❑ CÁC BÊN THAM GIA TTQT

- ❑ Các bên ***phát hành chứng từ*** liên quan đến sự di chuyển hàng hóa và tiền tệ, bao gồm:
 - Người mua, người bán, người sản xuất, các đại lý
 - Các Ngân hàng.
 - Người chuyên chở (Carrier).
 - Nhà bảo hiểm.
 - Chính phủ và các tổ chức TM.

TS. Phạm Ngọc Dương

142

❑ Các tên gọi khác nhau dùng cho các bên:

1/ Buyer:

Importer, Drawee, Accountee, Opener, Applicant.

2/ Seller:

Exporter, Beneficiary, Drawer, Principal, Contractor.

3/ Buyer's bank:

Importer's bank, Collecting bank, Presenting bank, Avaling bank, Issuing bank, Opening bank.

4/ Seller's bank:

Exporter's bank, Remitting bank, Sending bank, Advising bank, Negotiating bank, Discounting bank, Confirming bank, Nominated bank, Paying bank.

TS. Phạm Ngọc Dương

143

Tóm tắt bài giảng 1:

- Khái niệm thị trường ngoại hối? Hàng hóa của TT ngoại hối? Đặc điểm của Thị trường ngoại hối?
- Phân biệt thị trường có tổ chức/không có tổ chức; thị trường nội địa/quốc tế; thị trường ngoại hối và thị trường ngoại tệ liên ngân hàng; ngoại hối và thị trường tiền tệ.
- Khái niệm tỷ giá hối đoái?
- Các phương pháp yết giá?
- Các loại tỷ giá thông dụng?
- Phương pháp tính tỷ giá chéo?
- Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá?

144

BÀI TẬP 1:

Cho biết USD/VND = 20.890 - 20

$$\text{USD/CHF} = 1.2547 - 97$$

$$\text{USD/JPY} = 111.98 - 28$$

$$\text{EUR/USD} = 1.2218 - 21$$

$$\text{AUD/USD} = 1.0617 - 25$$

Là nhân viên ngân hàng bạn hãy xác định các tỷ giá chào mua, chào bán cho khách hàng các cặp tiền sau :
CHF/VND, JPY/VND, EUR/JPY, AUD/CHF, EUR/VND,
EUR/AUD

BÀI TẬP 2:

Tỷ giá USD/VND đầu năm 20xx là 20920. Nếu cuối năm, lạm phát của Việt nam là 9% và lạm phát của Mỹ là 2,5 %,

Hãy tính tỷ giá USD/VND vào cuối năm và cho một số nhận xét?